

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN TRẠCH
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 42 /2019/HSST.

Ngày: 21/6/2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH – TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán-Chủ tọa phiên Tòa:* Ông Đặng Đình Hiền.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lâm Ngọc Trao

Bà Trần Thanh Phương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Nguyễn Văn Khánh, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện NT.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NT tham gia phiên tòa:***
Ông Nguyễn Hồng Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019, Tại nhà Hội trường UBND xã PK, huyện NT, tỉnh Đồng Nai. Tòa án nhân dân huyện NT, tỉnh Đồng Nai xét xử lưu động sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 40/HSST ngày 31 tháng 05 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2019/HSST-QĐXX ngày 5 tháng 6 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Tô V . T, sinh ngày 3/6/1989 tại tỉnh Đồng Nai. Nơi đăng ký HKTT: ấp 1, xã PK, huyện NT, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: C nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tô Văn Trai, sinh năm 1971 và bà Hồ Thị Lợi, sinh năm 1971. Bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt từ ngày 6/3/2019, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc C an huyện Nhơn Trạch (có mặt).

2. Trần Văn C, sinh ngày 30/7/1993 tại tỉnh Đồng Nai. Nơi đăng ký HKTT: ấp 2, xã PK, huyện NT, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Phụ hồ; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Út, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Gặp, sinh năm 1967. Bị cáo có vợ tên Võ Thị Ngọc Liên, sinh năm 1997 và chưa có con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt từ ngày 6/3/2019, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc C an huyện Nhơn Trạch (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tô V . T và Trần Văn C là bạn bè và cùng nhau sử dụng ma túy. Nên vào khoảng 16 giờ ngày 05/3/2019, T và C ngồi chơi tại quán nước mía thuộc ấp 2, xã PK, huyện NT thì T hỏi C có tiền không để mua ma túy cả hai cùng sử dụng, C đồng ý và đưa xe mô tô biển số 60F4-9885 để T điều khiển chở C. Cả hai đi đến đầu hẻm thuộc đường Tôn Đức thuộc quận 4, thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, C đưa cho T 500.000 đồng và đứng trông xe mô tô còn T đi bộ vào hẻm gặp 01 người phụ nữ (không rõ nhân thân) mua 06 gói ma túy, 01 cái nỏ thủy tinh với giá 500.000 đồng. Sau khi mua xong T đưa cho C cất giấu trong người rồi điều khiển xe mô tô trên về xã PK, huyện NT, tỉnh Đồng Nai.

Đến khoảng 07 giờ ngày 06/3/2019, C điều khiển xe mô tô biển số 60F4-9885 đến nhà T thuộc ấp 01, xã PK, huyện NT rủ T ra ruộng mía thuộc ấp 02, xã PK, huyện NT để sử dụng ma túy. Tại đây, C lấy trong bóp da bên trong chứa 06 gói ma túy đưa cho T và T lấy ra 01 gói để cả hai cùng sử dụng, còn 05 gói ma túy T cất vào bóp và bỏ vào người. Sau khi sử dụng ma túy xong cả hai cùng về nhà T, thì bị C an xã PK, huyện NT, tỉnh Đồng Nai kiểm tra hành chính phát hiện lập biên bản phạm tội quả tang và chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra xử lý theo thẩm quyền.

Tang vật thu giữ:

- 05 (năm) gói ny lông được hàn kín, bên trong có chứa các hạt tinh thể màu trắng có chữ ký của Trần Văn C, Tô V . T, Đặng Ngọc Nhi và hình dấu tròn đỏ C an xã PK, huyện NT được **ký hiệu M**.

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Văn C (bản pho to), là T sản riêng của C không liên quan đến hành vi phạm tội,

- 01 (một) cái bóp da màu đen là T sản của C có liên quan đến hành vi phạm tội.

- 01 chiếc xe mô tô Ream city biển số 60F4-9885 của ông Trần Văn Út (bố C) là T sản có giấy tờ hợp pháp của ông Út, ông Út không biết Trần Văn C sử dụng vào việc mua bán ma túy nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho cho ông Út.

- Tại bản giám định số 169/PC09-GĐMT ngày 12/3/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự C an tỉnh Đồng Nai kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 0,4493 gam. Loại: **Methamphetamine**.

Quá trình điều tra, bị cáo Tô V . T, Trần Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tình tiết và chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 41/CT.VKS-HS ngày 24/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện NT, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Tô V. T, Trần Văn C về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NT vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị :

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015; xử phạt bị cáo Tô V. T từ 24 tháng đến 30 tháng tù ; xử phạt Trần Văn C từ 24 tháng đến 30 tháng tù .

Về vật chứng của vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo qui định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, T liệu đã được thẩm tra tại phiên Tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. các bị cáo không tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên, các bị cáo nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức án cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra C an huyện NT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện NT, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp

[2] Về trách nhiệm hình sự: Vào khoảng 16 giờ ngày 05/3/2019, Tô V . T và Trần Văn C đã thực hiện hành vi tàng trữ trái phép 0,4493 gam Methamphetamine tại ấp 2, xã PK, huyện NT thì bị C an xã PK, huyện NT phát hiện bắt quả tang cùng tang vật. Các Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã thực hiện hoàn thành hành vi phạm tội nên có đủ căn cứ và cơ sở để xác định hành vi của các bị cáo Tô V . T, Trần Văn C đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS, có mức hình phạt tù từ 1 năm đến 5 năm tù. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện NT truy tố là có căn cứ nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3] Về nhân thân, tính chất mức độ của hành vi phạm tội và tình tiết tăng nặng , giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: các bị cáo có nhân thân tốt , chưa tiền án, tiền sự.

Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do các bị cáo thực hiện là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến các quy định của nhà nước về quản lý các chất ma túy và làm ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo biết việc tàng trữ sử dụng chất ma túy bị

pháp luật nghiêm cấm nhưng vì nghiện ma túy nên các bị cáo đã mua ma túy về tàng trữ sử dụng; cho thấy bị cáo không có ý thức chấp hành pháp luật. Hiện nay, tệ nạn mua bán, tàng trữ sử dụng ma túy diễn ra hết sức phức tạp, lôi kéo nhiều người vào con đường nghiện ngập là nguyên nhân làm phát sinh các tội phạm khác, nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét vai trò của các bị cáo: Bị cáo Tô V. T là người khởi xướng và thực hiện hành vi phạm tội tích cực nên bị cáo giữ vai trò chính và phải chịu trách nhiệm tương xứng về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Trần Văn C khi nghe T khởi xướng mua ma túy về sử dụng đã đồng ý và đưa xe mô tô cho T chở đi mua ma túy, sau khi T mua được ma túy đã đưa C cất giấu trong người nên bị cáo cũng phải chịu trách nhiệm tương xứng với hành vi của mình..

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo T, C đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tình tiết trên được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NT về tội danh, điều luật áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Đối với người phụ nữ đã bán ma túy cho Tô V. T và Trần Văn C hiện chưa xác định rõ được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan cảnh sát điều tra C an huyện NT tách ra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng : 0,4056g được niêm phong.

- 01 (một) cái bóp da màu đen là T sản của C có liên quan đến hành vi phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

-01 chiếc xe mô tô Ream city biển số 60F4-9885 của ông Trần Văn Út (bố C) là T sản có giấy tờ hợp pháp của ông Út, ông Út không biết Trần Văn C sử dụng vào việc mua bán ma túy nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho cho ông Út là phù hợp.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Tô V. T, Trần Văn C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Tô V. T, Trần Văn C phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015;

Xử phạt bị cáo Tô V. T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 6/3/2019.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015;

Xử phạt bị cáo Trần Văn C 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 6/3/2019.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy lượng ma túy còn lại sau giám định trong gói niêm phong số 169/PC09-GĐMT ngày 12/3/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - C an tỉnh Đồng Nai.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) cái bóp da màu đen là T sản của C có liên quan đến hành vi phạm tội

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, T sản ngày 10/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện NT).

Về án Phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/NQ.HĐTP ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Buộc bị cáo Tô V. T, Trần Văn C mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại ;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKS huyện NT;
- C an huyện NT;
- Thi hành án;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Đình Hiền

